

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc Generic năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành



phổ trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 490/BC-SYT ngày 19/11/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc Generic năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện Mắt;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình số 33/TTr-BVM ngày 08/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk, với số tiền **1.750.162.920 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm hai mươi đồng), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: *Tuy*

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



H'Yim Kđoh

[illegible]



Phụ lục II

**DANH MỤC GÓI THẦU MUA THUỐC GENERIC NĂM 2023 THUỘC DANH MỤC THUỐC
ĐẦU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN MẮT TỈNH ĐẮK LẮK**
(Kèm theo Quyết định số **2506** /QĐ-UBND ngày **23** / **11** /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Bimatoprost	1	0,3mg/3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	300	252.079	75.623.700
2	Brimonidin tartrat + timolol	1	2mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	500	183.514	91.757.000
3	Brinzolamid	1	10mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	100	116.700	11.670.000
4	Brinzolamid + timolol	1	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	100	310.800	31.080.000
5	Tafluprost	1	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	500	244.799	122.399.500
6	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	1	3500IU/ml; 6000IU/ml; 1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	4.000	41.800	167.200.000
7	Ofloxacin	1	0,3%	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	1.500	74.530	111.795.000
8	Ofloxacin	1	3mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	55.872	55.872.000
9	Levofloxacin	1	15mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	4.500	115.999	521.995.500
10	Prednisolon acetat	1	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai	3.000	31.762	95.286.000
11	Fluorometholon	1	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	30.072	30.072.000
12	Indomethacin	1	0,1%/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	300	68.000	20.400.000
13	Aciclovir	2	30mg/ 3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	130	79.000	10.270.000
14	Ketorolac	1	0,5%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	300	67.245	20.173.500
15	Pemirolast Kali	1	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	200	76.760	15.352.000
16	Pirenixin	1	0,25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	530	30.294	16.055.820
17	Natri diquafosol	1	30mg/ml;	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	129.675	129.675.000
18	Natri hyaluronat	1	0,18%; 0,3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Ống	10.000	10.199	101.990.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
19	Polyethylen glycol + propylen glycol	1	0,4% + 0,3%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	100	60.100	6.010.000
20	Natri hyaluronat	1	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	100	126.000	12.600.000
21	Tropicamide + Phenylephrin hydroclorid	1	5mg/ml + 5mg/ml; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	100	67.500	6.750.000
22	Tetracain	4	0,5%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai	270	15.015	4.054.050
23	Atropin sulfat	4	10mg/ml; 0,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Ống	400	12.600	5.040.000
24	Natri clorid	4	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	8.000	1.390	11.120.000
25	Natri clorid	4	0,9%; 500ml	Tiêm/ tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	22	7.875	173.250
26	Ringer lactat	4	Natri clorid 3g, kali clorid 0.2g, natri lactat 1.56g, calci clorid 0.135g; 500ml	Tiêm/ tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	1.200	8.400	10.080.000
27	Acetazolamid	4	250mg	Uống	Viên	Viên	8.900	1.000	8.900.000
28	Kali clorid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	4.537	1.500	6.805.500
29	Paracetamol + codein phosphat	4	500mg + 10mg	Uống	Viên sủi	Viên	8.800	2.100	18.480.000
30	Itraconazol	4	100mg	Uống	Viên nang	Viên	500	3.970	1.985.000
31	Vitamin A + D2/ Vitamin A + D3	4	4000UI+ 400UI	Uống	Viên nang	Viên	40.000	320	12.800.000
32	Vitamin C	4	500mg	Uống	Viên	Viên	40.000	178	7.120.000
33	Propofol	1	1%, 20ml	Tiêm/ tiêm truyền	Thuốc tiêm	Ống	30	25.270	758.100
34	Lidocain + epinephrin	4	36mg + 18mcg/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	2.000	4.410	8.820.000
Tổng cộng: 34 Mặt hàng									1.750.162.920